TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:142 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3260/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TSM, sinh năm 1987; nơi cư trú: Lầu 3 số 82, phố A, khóm B, thôn C, xã D, E, Đài Loan; vắng mặt.

Bị đơn: Anh HA, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ dân phố F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn là chị TSM trình bày:

Chị TSM và anh HA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 27 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì chị trở về Đài Loan, còn anh HA sinh sống tại Việt Nam. Quá trình chung sống, chị đã tìm mọi cách làm thủ tục bảo lãnh cho anh HA sang Đài Loan để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được và chị không thể về Việt Nam sinh sống cùng chồng nên vợ

chồng đã phát sinh mâu thuẫn, hiện không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị nhận thấy vợ chồng mỗi người ở một nơi, tình cảm không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh HA.

Về con chung: Chị và anh HA có 01 con chung là I, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014, từ nhỏ cháu I ở với chị nên mang quốc tịch Đài Loan. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh HA đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh HA không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh HA thống nhất với lời trình bày của chị TSM về việc kết hôn, quan hệ hôn nhân. Năm 2008, anh sang Đài Loan để lao động nên quen biết chị TSM. Năm 2010, do anh trốn ra ngoài làm tự do nên bị chính quyền Đài Loan bắt và trục xuất về nước. Năm 2012, chị TSM về Việt Nam, anh chị tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn chị TSM về Đài Loan còn anh vẫn ở Việt Nam, thỉnh thoảng chị về thăm anh. Đến ngày 20/02/2014 chị TSM sinh con tại Đài Loan sau đó đưa con về Việt Nam ở cùng với anh một thời gian rồi đưa con sang Đài Loan sinh sống. Từ năm 2017 đến nay giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị ở cách xa nhau nên không có điều kiện để dành tình cảm cho nhau. Bản thân anh không thể sang Đài Loan đoàn tụ cùng vợ được, ngược lại chị TSM không đồng ý về Việt Nam để sinh sống với anh. Vì vậy, anh xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị TSM được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị TSM có 01 con chung là cháu I (tên Việt Nam anh thường gọi là J), sinh ngày 20/02/2014, cháu I do ở với mẹ nên mang quốc tịch Đài Loan. Do con còn nhỏ và sống với mẹ từ lâu nên anh đề nghị Tòa án giao con I cho chị TSM nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị TSM không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị TSM đang ở nước ngoài nên theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị TSM vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị TSM giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh HA, đồng thời chị ủy quyền cho chị K nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn anh HA vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị TSM có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh HA. Chị TSM hiện đang cư trú ở Đài Loan, anh HA có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường G, quận H, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị TSM là nguyên đơn, anh HA là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị TSM và anh HA.

-Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị TSM và anh HA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 27/7/2012. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị TSM và anh HA thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ở xa nhau, mỗi người một nơi nên không có sự chia sẻ về mặt tình cảm, không còn có sự quan tâm đến nhau. Đến nay anh chị xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, xét mẫu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị TSM và anh HA đề nghị ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị TSM và anh HA.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu I, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014, anh chị thống nhất giao con I cho chị TSM nuôi, chị TSM không yêu cầu anh HA phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với tình hình thực tế vì hiện nay cháu I đang ở cùng với mẹ và có hộ khẩu thường trú ở Đài Loan nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị TSM và anh HA.

[5] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị TSM là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị TSM và anh HA được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TSM

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị TSM được ly hôn anh HA.

2.Về con chung: Giao con chung I, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2014 cho chị TSM trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị TSM không yêu cầu anh HA phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị TSM và anh HA khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị TSM phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001834 ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị TSM đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị TSM được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh HA được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thanh Vân